|  |  |
| --- | --- |
| HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM**HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

 **Tên ngành: XÃ HỘI HỌC**

 **Trình độ đào tạo: Đại học**

**Mã số: 7310301**

1. **Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học năm 2012 và Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT về việc ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ và tiến sỹ;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/QĐ-BGDĐT ngày 18/3/2021 ban hành quy chế đào tạo đại học;

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-HĐHV-HVPNVN ngày 20/3/2021 về việc ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ nhu cầu xã hội về đào tạo nhân lực ngành Xã hội học.

**II. Chương trình đào tạo**

**2.1. Mục tiêu đào tạo**

 ***2.1.1. Triết lý giáo dục của chương trình đào tạo***

Chương trình đào tạo cử nhân Xã hội học hướng tới việc thực hiện sứ mệnh của Học viện Phụ nữ Việt Namlà**đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, cán bộ nữ trong hệ thống chính trị; tham gia đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đa ngành cho đất nước; thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn trong từng thời kỳ; nghiên cứu các lĩnh vực liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới.**

 Cam kết của **Học viện Phụ nữ Việt Nam đối với xã hội** được xác định: về chất lượng đào tạo, về các điều kiện bảo đảm cho việc học tập, về nếp sống văn hoá và văn minh, tạo điều kiện cho các cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên của Học viện thành công trong công việc, trong cuộc sống hiện tại và tương lai.

 ***2.1.2. Mục tiêu chung***

 Đào tạo cử nhân Xã hội học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về Xã hội học, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, tự nhiên, chính trị và pháp luật; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm; có năng lực sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp; thích nghi với môi trường làm việc; có khả năng học tập suốt đời; có tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

 ***2.1.3. Mục tiêu cụ thể***

1) Có kiến thức toàn diện, vững chắc, chuyên sâu về ngành Xã hội học; có khả năng thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu các lĩnh vực của đời sống xã hội; phát hiện, phân tích, phản biện xã hội; có khả năng giảng dạy về Xã hội học; tư vấn xây dựng các chính sách xã hội đáp ứng các nhu cầu phát triển của đất nước nói chung.

 2) Có kỹ năng thực hành, nghiên cứu và đào tạo về Xã hội học; có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy khoa học và các kỹ năng mềm trong giải quyết các vế đề thực tiễn trong xã hội; có khả năng tự học, nghiên cứu và phát triển ngành Xã hội học trong tương lai, đổi mới và học tập suốt đời.

3) Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội; có trách nhiệm với xã hội; có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

**2.2. Chuẩn đầu ra**

***2.2.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức (KT)***

 - KT1: Tóm tắt được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xác định được các vấn đề chính trị, xã hội, an ninh - quốc phòng phù hợp với đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan hoạt động của ngành Xã hội học.

 - KT2: Hiểu, thảo luận, diễn giải được các kiến thức cơ bản của ngành như: kiến thức về tổ chức xã hội, cơ cấu xã hội, hệ thống xã hội, thiết chế xã hội; lý giải được sự nảy sinh, biến đổi và phát triển của mối quan hệ giữa con người và xã hội; hiểu lịch sử phát triển của ngành Xã hội học trên thế giới và ở Việt Nam; hiểu, phân tích, so sánh được các lý thuyết Xã hội học, chuyển các quan điểm lý thuyết thành các chỉ báo khái niệm và vận dụng các lý thuyết để đặt ra các giả thuyết nghiên cứu; sử dụng lý thuyết để phân tích giải thích sự biến đổi cấu trúc xã hội cũng như mô hình tương tác chung của các cá nhân trong xã hội.

 - KT3: Hiểu, vận dụng các phương pháp nghiên cứu Xã hội học bao gồm nghiên cứu định lượng và định tính để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu trong các lĩnh vực của đời sống. Hiểu và vận dụng được kỹ thuật xử lý dữ liệu trong nghiên cứu, viết báo cáo nghiên cứu.

- KT4: Thảo luận, phân tích, đánh giá, nghiên cứu xã hội học về các vấn đề liên quan đến các lĩnh vực của đời sống xã hội như: giới, gia đình, nông thôn, đô thị, pháp luật, truyền thông, quản lí, kinh tế, chính trị…; vận dụng giải quyết các vấn đề xã hội trong từng lĩnh vực; phân tích được thực trạng, nguyên nhân, xu hướng và các yếu tố ảnh hưởng; tổng hợp, đánh giá được các vấn đề xã hội tồn tại và đưa ra các giải pháp cho các vấn đề xã hội.

***2.2.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng (KN)***

 - KN1: Có kỹ năng giải quyết các vấn đề/tình huống trong thực tiễn cuộc sống và công việc theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; vận dụng được những kỹ năng để có thể làm việc độc lập tuân theo chủ trương, đường lối, chính sách, lập trường quan điểm duy vật biện chứng; có khả năng vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và các phương pháp nghiên cứu vào nghiên cứu khoa học phục vụ cho Xã hội học; có tư duy khoa học và các kỹ năng mềm trong giải quyết các vấn đề thực tiễn của xã hội; vận dụng được những kỹ năng để làm việc độc lập, có khả năng làm việc nhóm; có kỹ năng giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội và ra quyết định, năng động sáng tạo trong công việc; vận dụng được các kỹ năng giao tiếp đã học vào cuộc sống, công việc, mối quan hệ xã hội; thích nghi trong môi trường làm việc biến động và đa văn hóa.

- KN2: Có kỹ năng thuyết trình, phản biện và tư vấn xây dựng những chính sách xã hội; Có kỹ năng đọc - hiểu, phân tích, tổng hợp và viết tóm tắt các tài liệu khoa học, viết báo cáo khoa học và đánh giá nghiên cứu khoa học.

- KN3: Có kỹ năng phát hiện những vấn đề khoa học; vận dụng được các kĩ năng đã học thiết kế được các đề tài nghiên cứu xã hội học, tổ chức thực hiện được các đề tài nghiên cứu xã hội học một cách trọn vẹn từ xác định vấn đề nghiên cứu đến xây dựng đề cương nghiên cứu, thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu và công bố kết quả nghiên cứu.

- KN4: Có kỹ năng khai thác, tìm kiếm thông tin trên các cơ sở dữ liệu khác nhau; có kỹ năng và sử dụng thành thạo phần mềm chuyên dụng để xử l‎‎ý dữ liệu định tính và định lượng trong nghiên cứu.

 - KN5: Thực hiện được các hoạt động tự trải nghiệm nghề nghiệp, có kỹ năng xây dựng và quản lý dự án phát triển.

- KN6: Có khả năng kết nối nguồn lực, phát triển mạng lưới xã hội trong hợp tác nghiên cứu và làm việc về lĩnh vực Xã hội học; có khả năng tự học tập và nghiên cứu.

***2.2.3. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm (TC)***

- TC1: Củng cố niềm tin vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức cách mạng, phấn đấu trở thành người công dân tốt; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập và rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc; Tự giác, tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức mới về nghề nghiệp; làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

 - TC2: Có thái độ chính trị lập trường đúng đắn, có ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin; Chịu trách nhiệm về các công việc được giao; Tuân thủ các giá trị, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong quá trình tác nghiệp.

- TC3: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

***2.2.4. Chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ (NN)***

- NN1: Sử dụng được Tiếng Anh giao tiếp ở trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam: có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v…; có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình; có thể đọc, hiểu các tài liệu, văn bản thuộc chuyên ngành đào tạo.

Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ năng lực Tiếng Anh tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khung NLNN | IELTS | TOEFL Paper/Computer/Internet | TOEIC | Cambridge ESOL Exams  | Chứng chỉ của HVPNVN |
| Bậc 3 | 4.5 | 450/133/45  | 450 | PET (Pass) | 50 |

***2.2.5. Chuẩn đầu ra về năng lực tin học (IT)***

 - IT1: Có khả năng hiểu biết tổng quan về hệ thống máy tính, tổ chức dữ liệu, các tài nguyên và mạng máy tính. Thành thạo các kỹ năng sử dụng một số phần mềm văn phòng, khai thác ứng dụng tài nguyên, dịch vụ mạng internet theo Thông tư số 03/2014/TT-BGDĐT ngày 11/3/2014 hoặc tương đương với chứng chỉ do Học viện Phụ nữ Việt nam tổ chức để phục vụ cho việc xét tốt nghiệp.

**2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

 - Là chuyên viên, nghiên cứu viên tại các cơ quan chuyên trách Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp từ trung ương đến địa phương;

- Là chuyên viên, giảng viên, nghiên cứu viên làm việc trong hệ thống các trường đại học, cao đẳng và các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề;

- Là chuyên viên, nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu, trung tâm, tổ chức phi chính phủ;

- Là chuyên viên, nhân viên xã hội trong các cơ quan truyền thông (nghiên cứu truyền thông, cán bộ trong cơ quan báo chí…), các cơ quan quản lí nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội…

- Làm cán bộ, chuyên viên, nhân viên trong các cơ quan, doanh nghiệp về các lĩnh vực quảng cáo, quan hệ công chúng, maketting, phát triển thị trường, chăm sóc khách hàng…

- Chuyên viên phân tích dữ liệu xã hội độc lập.

**2.4. Khối lượng kiến thức toàn khoá**

 - Tổng số tín chỉ: 120 tín chỉ, chưa kể các học phần tiếng Anh (10 TC), giáo dục thể chất (3 TC) và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (8 TC).

- Phân bổ theo các khối kiến thức như sau:

 + Giáo dục đại cương: 33 tín chỉ, trong đó các học phần bắt buộc là 27 tín chỉ, các học phần tự chọn là 06 tín chỉ.

 + Kiến thức cơ sở ngành: 17 tín chỉ, trong đó các học phần bắt buộc là 11 tín chỉ, các học phần tự chọn là 06 tín chỉ.

 + Kiến thức ngành: 21 tín chỉ.

+ Kiến thức chuyên ngành: 30 tín chỉ, trong đó các học phần bắt buộc là 18 tín chỉ, các học phần tự chọn là 12 tín chỉ.

+ Kiến thức bổ trợ: 08 tín chỉ.

+ Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp: 11 tín chỉ.

- Tỷ lệ tín chỉ thực hành/ tổng số tín chỉ là :48/120 (40%).

**2.5. Đối tượng tuyển sinh:**

- Thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

- Tuyển sinh theo qui định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Học viện Phụ nữ Việt Nam.